TÒA ÁN NHÂN DÂN TINH ĐỒNG NAI
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-ĐỒNG NAI

Số: **156**/2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 1834/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Duy K**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 15 hẻm H, đường C, khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Nay là phường T, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thụy Quế M**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: B đường N, phường L, tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ cũ: 295H đường N, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Duy K và bà Trần Thụy Quế M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Duy K và bà Trần Thụy Quế M thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Trần Duy K và bà Trần Thụy Quế M có 01 con chung tên Trần Duy Minh K1, sinh ngày 12/04/2018. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao con chung là cháu K1 cho bà M là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông Trần Duy K vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông K có quyền thăm nom con; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015**.**

Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có, nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên Tòa án không giải quyết.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Duy K tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004527 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông Trần Duy K đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1-Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bảy